



CÔNG TY CỔ PHẦN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GẠCH TUY NÉN BÌNH ĐỊNH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa chỉ: Km1215-Quốc lộ 1A - Xã Phước Lộc - Huyện Tuy Phước - Bình Định .

Điện thoại : 056 3832809 -3832121 Fax : 056 3732192 email: pkt@tuynenbinhding.com.vn

Mã số thuế : 4100431180

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

9 THÁNG NĂM 2017



Gồm : - Bảng cân đối kế toán

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

- Thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số : B 01 - DN

Mẫu số : B 02 -DN

Mẫu số : B 03 -DN

Mẫu số : B 09 -DN

Tuynen, ngày tháng năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

Bảng cân đối kế toán

Tại ngày: 30 tháng 09 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày: 30 tháng 09 năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm (ngày 30/09/2017)	Số đầu năm (ngày 01/01/2017)
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		61.561.470.082	48.971.601.531
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	16.406.095.501	18.206.054.511
111	1. Tiền		1.094.284.686	3.338.825.011
112	2. Các khoản tương đương tiền		15.311.810.815	14.867.229.500
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		24.805.127.370	20.891.668.807
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	24.805.127.370	20.891.668.807
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		14.616.356.130	2.370.048.800
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	3.213.903.533	1.736.972.822
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	11.104.554.000	90.373.713
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
135	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	297.898.597	542.702.265
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
139	7. Tài sản thiêu chờ xử lý		-	-
140	IV. Hàng tồn kho		5.733.891.081	7.346.581.624
141	1. Hàng tồn kho	V.6	5.820.226.407	7.432.916.950
142	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(86.335.326)	(86.335.326)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	157.247.789
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	-
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	157.247.789
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		14.868.677.499	14.982.901.592
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		10.872.245.735	12.012.766.182
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	10.872.245.735	12.012.766.182
222	- Nguyên giá		34.961.816.654	35.131.816.654
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(24.089.570.919)	(23.119.050.172)
227	3. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	- Nguyên giá		-	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		3.996.431.764	2.970.135.410
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.8	3.996.431.764	2.970.135.410
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		-	-
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		76.430.147.581	63.954.503.123

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày: 30 tháng 09 năm 2017

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm (ngày 30/09/2017)	Số đầu năm (ngày 01/01/2017)
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		25.523.420.872	18.922.842.335
310	I. Nợ ngắn hạn		18.333.450.872	11.732.872.335
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.9a	1.748.442.384	1.700.758.954
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.10	147.639.245	203.481.755
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.11	511.869.304	1.539.253.040
314	4. Phải trả người lao động	V.12	2.984.904.901	2.320.832.933
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	V.13	61.477.200	1.267.163.219
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.14a	10.733.705.161	1.700.000.000
321	7. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.15	2.145.412.677	3.001.382.434
330	II. Nợ dài hạn		7.189.970.000	7.189.970.000
331	1. Phải trả người bán dài hạn	V.9b	281.000.000	281.000.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.14b	3.029.996.000	3.029.996.000
343	3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	V.16	3.878.974.000	3.878.974.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		50.906.726.709	45.031.660.788
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.17	50.906.726.709	45.031.660.788
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		30.000.000.000	30.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		30.000.000.000	30.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi			
414	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
415	5. Cổ phiếu quỹ (*)		(688.080.000)	(588.080.000)
416	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
417	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
418	8. Quỹ đầu tư phát triển		15.619.740.788	15.619.740.788
419	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		5.975.065.921	
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước			
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		5.975.065.921	
422	12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản			
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
431	1. Nguồn kinh phí			
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		76.430.147.581	63.954.503.123

Người lập biểu

Trần Thị Bích Vân

TRẦN THỊ BÍCH VÂN

Kế toán trưởng

Trần Thị Kim Chi

TRẦN THỊ KIM CHI

Bình Định, ngày 10 tháng 10 năm 2017



Lê Huy Hoàng

LÊ HUY HOÀNG



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chín tháng đầu năm 2017

Phần I - Lãi Lỗ

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	MS	Thuyết minh	Chín tháng đầu năm		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	01		24.972.800.883	29.747.382.072	24.972.800.883	29.747.382.072
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		24.972.800.883	29.747.382.072	24.972.800.883	29.747.382.072
4. Giá vốn hàng bán	11		14.549.535.167	12.921.381.965	14.549.535.167	12.921.381.965
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		10.423.265.716	16.826.000.107	10.423.265.716	16.826.000.107
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		987.335.766	2.093.476.895	987.335.766	2.093.476.895
7. Chi phí tài chính	22		134.217.698		134.217.698	
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23					
8. Chi phí bán hàng	25		1.016.217.134	2.107.335.800	1.016.217.134	2.107.335.800
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		3.506.953.899	4.621.056.430	3.506.953.899	4.621.056.430
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		6.753.212.751	12.191.084.772	6.753.212.751	12.191.084.772
11. Thu nhập khác	31		58.970.755	74.892.122	58.970.755	74.892.122
12. Chi phí khác	32		137.117.585	134.013.101	137.117.585	134.013.101
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		-78.146.830	-59.120.979	-78.146.830	-59.120.979
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		6.675.065.921	12.131.963.793	6.675.065.921	12.131.963.793
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		700.000.000	1.000.000.000	700.000.000	1.000.000.000
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		5.975.065.921	11.131.963.793	5.975.065.921	11.131.963.793
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Tuy Phước, ngày 10 tháng 10 năm 2017

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Thôn Thị Bích Vân

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

K. Chi

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



L. Quý Hoàng

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Địa chỉ: Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		25.210.391.483	37.479.081.564
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(4.886.586.248)	(13.469.593.139)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(7.111.897.571)	(11.583.707.131)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(134.217.698)	-
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.631.185.183)	(2.282.901.484)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		2.007.372.406	2.610.456.256
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.922.563.042)	(5.458.212.395)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>8.531.314.147</i>	<i>7.295.123.671</i>
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(11.968.838.183)	(3.191.594.552)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		20.000.000	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(55.913.361.051)	(18.772.293.807)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		51.999.902.488	25.420.625.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		987.335.766	2.685.369.328
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(14.874.960.980)</i>	<i>6.142.105.969</i>
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		(100.000.000)	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		5.943.687.823	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		(1.300.000.000)	(300.000.000)
35	5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(947.420.983)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>4.543.687.823</i>	<i>(1.247.420.983)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</i>		<i>(1.799.959.010)</i>	<i>12.189.808.657</i>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		18.206.054.511	6.016.245.854
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	16.406.095.501	18.206.054.511

Người lập biểu

Trần Thị Bích Vân

TRẦN THỊ BÍCH VÂN

Kế toán trưởng

Trần Thị Kim Chi

TRẦN THỊ KIM CHI

Bình Định, ngày 10 tháng 10 năm 2017



LÊ HUY HOÀNG

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho bán niên tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/09/2017.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch Tuy Nén Bình Định (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4100431180 ngày 28/12/2001 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17/08/2016.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: sản xuất, kinh doanh dịch vụ,...

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất gạch bằng lò tuy nèn, sản xuất các loại vật liệu xây dựng cao cấp và vật liệu công nghệ mới;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Gia công cơ khí;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi, cấp thoát nước, công trình điện dân dụng và điện công nghiệp;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: Đào đắp, san ủi mặt bằng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật tư, thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất gạch không nung.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Công ty thường kéo dài không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho bán niên tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Không có sự kiện về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, các sự kiện sáp nhập, chia, tách, thay đổi qui mô... có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong năm.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty không có đơn vị trực thuộc không có pháp nhân hạch toán phụ thuộc và không đầu tư vào công ty con và công ty liên kết.

7. Nhân viên

Tại ngày 30/09/2017 Công ty có 104 nhân viên đang làm việc (tại ngày 01/01/2017 là 108 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho bán niên tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi, căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho bán niên tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Kỳ này</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 10
Máy móc và thiết bị	6 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị dụng cụ quản lý	Hết khấu hao

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho bán niên tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

8. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
 - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
 - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
 - Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo qui định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
 - Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
 - Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Mức trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ không quá 10% thu nhập tinh thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí.

9. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUYỀN BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho bán niên tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

10. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

11. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm gạch các loại

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho bán niên tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm và chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

13. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

14. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho bán niên tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp.
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Đầu Năm</u>	<u>Cuối năm</u>
Tiền mặt	556.596.260	308.111.879
Tiền gửi ngân hàng	2.782.228.751	786.172.807
Các khoản tương đương tiền - tiền gửi có kỳ hạn < 3 tháng	14.867.229.500	15.311.810.815
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Phú tài	4.205.000.000	3.010.000.000
- Ngân hàng TMCP Đại chúng VN - CN Phú tài	3.723.329.500	1.140.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu Tư & PT VN - CN Phú Tài	4.700.000.000	7.180.000.000
- Ngân hàng TMCP VN Thịnh Vượng - CN Phú Tài	2.238.900.000	3.206.810.815
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Phú Tài		775.000.000
	<u>18.206.054.511</u>	<u>16.406.095.501</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho bán niên tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	24.805.127.370	24.805.127.370	20.891.668.807	20.891.668.807
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3T đến dưới 12 tháng	24.805.127.370	24.805.127.370	20.891.668.807	20.891.668.807
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Phú Tài	10.180.000.000	10.180.000.000	3.830.000.000	3.830.000.000
- Ngân hàng TMCP ĐT & Phát triển VN - CN Phú Tài	9.780.022.222	9.780.022.222	11.550.022.222	11.550.022.222
- Ngân hàng TMCP Quân Đội- CN Phú Tài	233.000.000	233.000.000	938.000.000	938.000.000
- Ngân hàng TMCP VN Thịnh Vượng - CN phú tài	3.912.105.148	3.912.105.148	4.573.646.585	4.573.646.585
- Ngân hàng TMCP Đại chúng VN - CN Phú Tài	700.000.000	700.000.000	-	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	24.805.127.370	24.805.127.370	20.891.668.807	20.891.668.807

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu các bên liên quan		
Phải thu các khách hàng khác	3.213.903.533	1.736.972.822
- Công ty CP Hóa Chất và VT KHKT (CEMACO)	2.147.976.600	1.189.651.700
- Công ty TNHH Sản Xuất TMDV Như Ý	89.255.000	90.112.900
- Doanh Nghiệp Tư Nhân DV TM Minh Toàn	161.326.000	-
- Các đối tượng khác	815.345.933	457.208.222
Cộng	3.213.903.533	1.736.972.822

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	-	-
Trả trước cho người bán khác	11.104.554.000	90.373.713
- Công ty CP Đầu Tư & Công Nghệ Đức Thành	11.025.000.000	-
- Cty CP CK NHNN & PTNT Việt Nam	10.500.000	-
- Cty TNHH Mỹ Thuật Đức Nhân	-	28.800.000
- Các đối tượng khác	69.054.000	61.573.713

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho bán niên tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
- Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	64.744.325	-	508.181.653	-
+Lãi dự thu	-	-	460.722.173	-
+BH XH Huyện TP	1.284.033	-	-	-
+BH (10,5%) CBCNV LĐ Cty	46.831.792	-	46.176.480	-
+Phải thu các đối tượng khác	16.628.500	-	1.283.000	-
- Tạm ứng CBCNV	84.338.305	-	34.520.612	-
Cộng	149.082.630		542.702.265	

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1.406.952.068	-	2.580.319.238	-
Công cụ, dụng cụ	25.398.654	-	17.213.958	-
Chi phí SXKD dở dang	721.946.537	-	480.826.791	-
Thành phẩm	3.665.929.148	(86.335.326)	4.354.556.963	(86.335.326)
Cộng	5.820.226.407	(86.335.326)	7.432.916.950	(86.335.326)

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dung cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	17.259.343.132	15.544.990.055	2.219.631.910	107.851.557	35.131.816.654
T.lý, nhượng bán			170.000.000		170.000.000
Số cuối năm	17.259.343.132	15.544.990.055	2.049.631.910	107.851.557	34.961.816.654
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	11.686.293.925	9.105.273.081	2.219.631.910	107.851.557	23.119.050.473
Khấu hao trong năm	659.851.479	480.668.967	-	-	1.140.520.446
T.lý, nhượng bán			170.000.000		170.000.000
Số cuối năm	12.346.145.404	9.585.942.048	2.049.631.910	107.851.557	24.089.570.919
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	5.573.049.207	6.439.716.974	-	-	12.012.766.181
Số cuối năm	4.913.197.728	5.959.048.007	-	-	10.872.245.735

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho bán niên tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 10.249.655.558 đồng. Bao gồm toàn bộ nhà cửa vật kiến trúc và máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất gạch không nung.
- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 18.995.196.671 đồng

8. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản

	Số đầu kỳ	Chi phí phát sinh trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	-	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	2.970.135.410	1.026.296.354	3.996.431.764
- Công trình nhà máy gạch không nung	2.970.135.410	1.026.296.354	3.996.431.764

9. Phải trả người bán**a. Ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các người bán khác	1.748.442.384	1.700.758.954
- Xí nghiệp than QN	778.717.118	1.187.831.350
- Cty TNHH Lập Phát	10.700.000	31.740.000
- Cty TNHH - XD TH Minh Thảo	341.178.023	-
- Các đối tượng khác	617.847.243	200.187.604

b. Dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các người bán khác	281.000.000	281.000.000
- Công ty CP Đầu Tư & CN Đức Thành	281.000.000	281.000.000

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Trả trước của các khách hàng khác	147.639.245	203.481.755
- Cty CP Đầu tư phát triển Nhà đất COTEC	28.927.217	193.690.953
- Cty TNHH Glass Aluminium VN	49.191.688	-
- Các đối tượng khác	69.520.340	9.790.802

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	2.502.225.542	2.356.547.878	145.677.664	
Thuế TNDN	1.231.185.183	-	700.000.000	1.631.185.183	300.000.000	
Thuế TNCN	189.770.714	-	278.912.319	402.491.393	102.256.932	
Thuế tài nguyên	84.000.000	-	86.880.000	170.880.000		
Thuế đất	-	-	135.397.680	135.397.680		
Thuế bảo vệ MT	14.000.000	-	14.480.000	28.480.000		
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	20.297.143	-	3.000.000	23.297.143		
Cộng	<u>1.539.253.040</u>		<u>3.720.895.541</u>	<u>3.072.347.134</u>	<u>547.934.596</u>	

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với gạch các loại thuộc đối tượng chịu thuế suất 10%. Các dịch vụ khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các hoạt động sau:

- Đối với hoạt động kinh doanh gạch không nung:
 - Công ty được ưu đãi thuế suất thuế TNDN là 20% trong thời hạn 10 năm (từ 1/1/16 áp dụng thuế suất là 17%).
 - Miễn 2 năm và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 4 năm tiếp theo kể từ khi có Thu nhập chịu thuế.

Những ưu đãi trên đây được quy định tại khoản 4, điều 19 và khoản 3, điều 20 Thông tư số 78/TT-BTC ngày 18/06/2014.

- Đối với hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được xác định: tạm nộp theo quý cuối năm xác định cụ thể theo thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính và chế độ kế toán.

Các loại thuế khác

- Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho bán niên tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	2.984.904.901	2.320.832.933
Cộng	<u>2.984.904.901</u>	<u>2.320.832.933</u>

13. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan		
Phải trả các đối tượng và cá nhân khác		1.267.163.219
- Tiền cổ tức phải trả		1.214.045.300
- Tạm ứng (dư có)	409.842	108.884
- Phải trả khác	<u>62.351.391</u>	<u>53.009.035</u>
Cộng	<u>62.761.233</u>	<u>1.267.163.219</u>

14. Vay và nợ thuê tài chính**a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	10.333.705.161	10.333.705.161		
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Phú tài	10.333.705.161	10.333.705.161		
Vay dài hạn đến hạn trả	400.000.000	400.000.000	1.700.000.000	1.700.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu Tư & PT VN - CN Phú tài	<u>400.000.000</u>	<u>400.000.000</u>	<u>1.700.000.000</u>	<u>1.700.000.000</u>
Cộng	<u>10.733.705.161</u>	<u>10.733.705.161</u>	<u>1.700.000.000</u>	<u>1.700.000.000</u>

b. Dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Vay dài hạn	3.029.996.000	3.029.996.000	3.029.996.000	3.029.996.000
- Ngân hàng TMCP ĐT & PT VN - CN Phú Tài	<u>3.029.996.000</u>	<u>3.029.996.000</u>	<u>3.029.996.000</u>	<u>3.029.996.000</u>
Cộng	<u>3.029.996.000</u>	<u>3.029.996.000</u>	<u>3.029.996.000</u>	<u>3.029.996.000</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho bán niên tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Phú Tài theo hợp đồng tín dụng Số 01/2014/309602/HĐTD ngày 27 tháng 11 năm 2014. Tổng số tiền vay là 21.000.000.000 đồng; mục đích vay: Dự án đầu tư nhà máy gạch không nung – bê tông nhẹ, gạch polyme khoáng tổng hợp; thời hạn vay là 81 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên; thời gian ân hạn là 12 tháng; lãi suất vay được xác định tại thời điểm rút vốn đầu tiên là 7,5%/năm và được điều chỉnh theo định kỳ 6 tháng một lần; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tài sản thế chấp: toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất gạch không nung hình thành từ vốn vay.

15. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.506.729.988	2.058.002.188
- Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	494.652.446	87.410.489
Cộng	3.001.382.434	2.145.412.677

16. Quỹ khoa học công nghệ

Tình hình trích lập và sử dụng quỹ như sau:

<u>Năm</u>	<u>Mức trích</u>	<u>Số trích lập</u>	<u>Số sử dụng trong năm</u>	<u>Số hoàn nhập</u>	<u>Số dư cuối kỳ</u>	<u>TS</u>
2009	10%	1.117.739.049	-	-	1.117.739.049	25%
2010	10%	828.125.000	-	-	1.945.864.049	25%
2011	10%	759.908.000	-	-	2.705.772.049	25%
2012	10%	785.471.000	-	-	3.491.243.049	25%
2013	0	-	-	1.117.739.049	2.373.504.000	25%
2014	9%	852.503.000	-	-	3.226.007.000	22%
2015	10%	941.000.000	-	828.125.000	3.338.882.000	22%
2016	10%	1.300.000.000	-	759.908.000	3.878.974.000	20%

Công ty chưa thành lập quỹ phát triển khoa học công nghệ và cũng chưa đăng ký với Sở khoa học công nghệ.

17. Vốn chủ sở hữu: Vốn góp chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2017 là: 30.000.000.000 đồng

17a. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ông Lê Huy Hoàng	1.589.520.000	1.589.520.000
- Bà Trần Thị Kim Chi	1.526.450.000	1.526.450.000
- Ông Lê Thanh Kỳ	1.633.910.000	1.633.910.000
- Cổ phiếu quỹ	688.080.000	588.080.000
- Các cổ đông khác	24.562.040.000	24.662.040.000
Cộng	30.000.000.000	30.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho bán niên tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu thường	3.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	68.808	58.808
- Cổ phiếu thường	68.808	58.808
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.931.192	2.941.192
- Cổ phiếu thường	2.932.192	2.941.192
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

17c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: 5.975.065.921 đồng**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.972.800.883	29.747.382.072
+ Doanh thu bán thành phẩm gạch nung	20.607.112.191	26.468.435.805
+ Doanh thu bán thành phẩm gạch không nung	2.768.355.363	834.529.332
+ Doanh thu dịch vụ vận chuyển	1.597.333.329	2.444.416.935
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Cộng	24.972.800.883	29.747.382.072

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
+ Giá vốn thành phẩm gạch nung	10.454.775.997	10.666.322.776
+ Giá vốn thành phẩm gạch không nung	2.852.711.186	1.614.539.682
+ Giá vốn dịch vụ vận chuyển	1.242.047.984	640.519.507
Cộng	14.549.535.167	12.921.381.965

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho bán niên tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	987.335.766	2.093.476.895
Cộng	<u>987.335.766</u>	<u>2.093.476.895</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí trả tiền lãi vay ngắn hạn	134.217.698	-
Cộng	134.217.698	-

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	529.643.945	672.089.047
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	439.800.776	1.353.484.736
- Chi phí khác bằng tiền	<u>46.772.413</u>	<u>81.762.017</u>
Cộng	1.016.217.134	2.107.335.800

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	2.389.928.265	2.658.461.310
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	263.043.000	865.805.625
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	630.302.441	627.447.816
- Chi phí khác bằng tiền	<u>223.680.193</u>	<u>469.341.679</u>
Cộng	3.506.953.899	4.621.056.430

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu tiền cho thuê căng tin	2.100.000	7.000.000
- Xử lý công nợ	35.340	11.354
- Công nợ đã xử lý thu hồi được	-	67.397.540
- Các khoản thu nhập khác	<u>56.835.415</u>	<u>483.228</u>
Cộng	58.970.755	74.892.122

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho bán niên tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Các khoản chi phí không hợp lý, hợp lệ	133.321.819	133.714.820
- Xử lý công nợ	87	10.000
- Chi phí khác	3.795.679	288.281
Cộng	137.117.585	134.013.101

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	5.512.871.826	6.820.160.451
- Chi phí nhân công	8.144.392.153	9.855.965.558
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.140.520.446	1.845.588.084
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.148.202.990	2.580.376.937
- Chi phí khác bằng tiền	438.132.540	1.213.931.129
Cộng	17.384.119.955	22.316.022.159

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (đơn vị tính: VND)**1. Các giao dịch không bằng tiền****2. Tiền thu từ đi vay**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	10.333.705.161	-
Cộng	10.333.705.161	-

3. Tiền trả nợ gốc vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền chi các khoản đi vay kế ước thông thường	(1.300.000.000)	(300.000.000)
Cộng	(1.300.000.000)	(300.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho bán niên tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của Thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị	131.652.000	124.200.000
Thù lao	131.652.000	124.200.000
Phụ cấp	-	-
Ban Giám đốc+KTT	1.407.951.463	1.363.352.357
Tiền lương, tiền thưởng	1.407.951.463	1.363.352.357
Phụ cấp	-	-
Ban kiểm soát	74.412.000	70.200.000
Thù lao	74.412.000	70.200.000
Phụ cấp	-	-
Cộng	1.614.015.463	1.557.752.357

2. Báo cáo bộ phận

- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực KD	Hoạt động KD gạch các loại		Hoạt động cung cấp dịch vụ		Tổng cộng	
	9 tháng/2017	9 tháng/2016	9 tháng/2017	9 tháng/2016	9 tháng/2017	9 tháng/2016
Doanh thu bộ phận	23.375.467.554	27.302.965.137	1.597.333.329	2.444.416.935	24.972.800.883	29.747.382.072
Giá vốn bộ phận	13.307.487.183	12.280.862.458	1.242.047.984	640.519.507	14.549.535.167	12.921.381.965
Lãi lỗ hoạt động kinh doanh	10.067.980.371	15.022.102.679	355.285.345	1.803.897.428	10.423.265.716	16.826.000.107

- Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Công ty chủ yếu được thực hiện tại Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH TUY NEN BÌNH ĐỊNH

Km 1215, Quốc lộ 1A, Xã Phước Lộc, Huyện Tuy Phước, Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho bán niên tài chính kết thúc ngày 30/09/2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Công ty.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính

TRẦN THỊ BÍCH VÂN

Người lập biểu

TRẦN THỊ KIM CHI

Kế toán trưởng



Bình Định, ngày 10 tháng 10 năm 2017

LÊ HUY HOÀNG

Giám đốc



